

THÔNG BÁO CÁC KHOẢN THU THÁNG 5 NĂM 2024

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023 - 2024;
- Trường Tiểu Học Yên Thề thông báo đến quý Cha Mẹ học sinh các khoản thu trong năm học 2023-2024 như sau:
- Căn cứ Hướng dẫn số 4687/SGDĐT-KHTC ngày 25/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023 - 2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ văn bản số 1650/GDĐT-TCKH ngày 27/9/2023 của Liên Phòng Giáo dục - Đào tạo quận Tân Bình - Phòng tài chính - Kế hoạch về việc hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục thực hiện chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023 - 2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn quận Tân Bình.
- Căn cứ Phiếu chuyển số 5643/Q ngày 02/10/2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Tân Bình thông báo ý kiến chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Bá Thành, Chủ tịch về việc chấp thuận theo đề xuất của Phòng Giáo dục và Đào tạo - Phòng tài chính - Kế hoạch tại Công văn số 1650/GDĐT-TCKH ngày 27/9/2023.
- Căn cứ văn bản số 1700/GDĐT-TC ngày 04/10/2023 của Phòng Giáo dục - Đào tạo quận Tân Bình về triển khai hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023 - 2024.
- Trường Tiểu Học Yên Thề thông báo đến quý Cha Mẹ học sinh các khoản thu tháng 5 năm 2024 như sau:

STT	LỚP	Tổ chức dạy học 2 buổi / ngày (tháng)	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ (tháng)	Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn (3 tuần)	Tiền tổ chức dạy các kỹ năng sống (tháng)	Câu lạc bộ Vui học Tiếng Việt (tháng)	Tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (tháng)	Tiền tổ chức Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và khoa học (Ismart) (tháng)	Tiền tổ chức dạy tin học theo chuẩn quốc tế (3 tuần)	Tiền tổ chức phục vụ , quản trữ và vệ sinh bán trú (tháng)	Tiền suất ăn trưa bán trú (15 ngày)	Tiền nước uống (tháng)	Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì) (tháng)	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (tháng)	Tổng Cộng
Khối 1															
1	1/1		100.000		80.000	69.000		550.000		253.000	525.000			15.000	1.592.000
2	1/2		100.000		80.000	69.000		550.000		253.000	525.000			15.000	1.592.000
3	1/3		100.000		80.000	69.000	220.000			253.000	525.000			15.000	1.592.000
4	1/4		100.000		80.000	69.000	220.000			253.000	525.000			15.000	1.262.000
5	1/5		100.000		80.000	69.000	220.000			253.000	525.000			15.000	1.262.000
6	1/6		100.000		80.000	69.000	220.000			253.000	525.000			15.000	1.262.000
Khối 2															
1	2/1		100.000		80.000	69.000		550.000		253.000	525.000			15.000	1.592.000
2	2/2		100.000		80.000	69.000		550.000		253.000	525.000			15.000	1.592.000
3	2/3		100.000		80.000	69.000	220.000			253.000	525.000			15.000	1.592.000
4	2/4		100.000		80.000	69.000	220.000			253.000	525.000			15.000	1.262.000
5	2/5				80.000	69.000	220.000			253.000	525.000			15.000	1.262.000
6	2/6				80.000	69.000	220.000			253.000	525.000			15.000	1.162.000
Khối 3															
1	3/1		100.000		80.000	69.000		550.000	130.000	253.000	525.000			15.000	1.722.000
2	3/2		100.000		80.000	69.000		550.000	130.000	253.000	525.000			15.000	1.722.000

Khối 1												
3	3/3		100.000		80.000	69.000	220.000		130.000	253.000	525.000	15.000
4	3/4		100.000		80.000	69.000	220.000		130.000	253.000	525.000	15.000
5	3/5		100.000		80.000	69.000	220.000		130.000	253.000	525.000	15.000
Khối 4												
1	4/1		100.000			69.000		550.000		253.000	525.000	15.000
2	4/2		100.000			69.000		550.000		253.000	525.000	15.000
3	4/3		100.000			69.000	220.000			253.000	525.000	15.000
4	4/4		100.000			69.000	220.000			253.000	525.000	15.000
5	4/5				80.000	69.000	220.000			253.000	525.000	15.000
Khối 5												
1	5/1	120.000	100.000		80.000			550.000		253.000	525.000	15.000
2	5/2	120.000	100.000		80.000			550.000		253.000	525.000	15.000
3	5/3	120.000	100.000		80.000		220.000			253.000	525.000	15.000
4	5/4	120.000	100.000		80.000		220.000			253.000	525.000	15.000
5	5/5	120.000		50.000	80.000		220.000			253.000	525.000	15.000
												1.392.000
												1.392.000
												1.392.000
												1.512.000
												1.512.000
												1.182.000
												1.182.000
												1.162.000
												1.643.000
												1.643.000
												1.313.000
												1.313.000
												1.263.000

Ngày 02 tháng 5 năm 2024

HIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Nghĩa Dũng